



AAT SERVICES CO., LTD.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**của CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH**  
*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012*  
*kèm theo*  
**BÁO CÁO SOÁT XÉT**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ AAT**  
**AUDITING, ACCOUNTING AND TAX ADVISORY SERVICES COMPANY LIMITED**

**Trụ sở chính:**

Add: P.2407 Nhà 34T - Khu ĐTM Trung Hòa Nhân Chính - Đường Hoàng Đạo Thúy, Cầu Giấy, Hà Nội  
Tel: 84.4.2.2210082/84.4.2.2410949/84.4.2.2413585 - Fax: 84.4.2.2210084  
Email: info@aat.com.vn - Website: <http://www.aat.com.vn> - Tax Code: 0102283607

**Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:**

Add: Tầng 4 - Tòa nhà Mirae Business Center, Số 268 Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: 84.8.3979.8188 - Fax: 84.8.3979.8189 - Email: [aat-hcm@aat.com.vn](mailto:aat-hcm@aat.com.vn)

## NỘI DUNG

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	2-4
<b>Báo cáo soát xét</b>	5
<b>Báo cáo tài chính đã được soát xét</b>	6-23
Bảng cân đối kế toán	6-8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11-23

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hòa Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012 của Công ty.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hòa Bình là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2503000021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp ngày 23/12/2003, thay đổi lần 11 ngày 15 tháng 02 năm 2012.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2503000021, đăng ký thay đổi lần 11 ngày 15 tháng 02 năm 2012, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Hoạt động dịch vụ khai thác mỏ và quặng khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; sản xuất gạch, vôi, đá xẻ, cắt tạo dáng, hoàn thiện đá xẻ; sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; sản xuất xi măng; vôi và thạch cao; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng nhà các loại; lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; khai thác quặng sắt, đá, cát sỏi, đất sét;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; đường thủy nội địa;
- Phá dỡ;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm: quặng kim loại màu (Trừ quặng uranium và quặng thorium); Khai thác và thu gom than cứng; Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn, bán lẻ than đá, nhiên liệu rắn, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Làm đại lý, môi giới, đấu giá.

Trụ sở chính của Công ty tại Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2503000021, đăng ký thay đổi lần 11 ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Công ty là: 62.700.000.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi hai tỷ, bảy trăm triệu đồng*).

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2012 là (4.978.735.243) VND.

Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2012 là 5.244.335.108 VND.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị & Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Bà : Đỗ Thị Cẩm Thúy	Chủ tịch HĐQT
Ông : Lê Xuân Điều	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông : Đỗ Phan Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT
Bà : Nhân Thị Hà	Thành viên
Ông : Đoàn Mạnh Hùng	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông : Đỗ Phan Thăng	Tổng Giám đốc
Ông : Cao Ngọc Soạn	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Đoàn Quốc Khánh	Giám đốc điều hành

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán Kế toán & Tư vấn Thuế AAT đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 của Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hòa Bình phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 của Công ty.

Hòa Bình, ngày 20 tháng 7 năm 2012  
TM. Hội đồng Quản trị  
Chủ tịch HĐQT

**Đỗ Thị Cẩm Thúy**

Hòa Bình, ngày 20 tháng 7 năm 2012

TM. Ban Giám đốc  
Tổng Giám đốc



**Đỗ Phan Thăng**



Số: *RS* /2012/BCKT-TC/AAT

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG VIỆC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012  
của Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hòa Bình

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hòa Bình

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hòa Bình gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012 được trình bày từ trang 06 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công việc soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công việc soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công việc này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hòa Bình tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định kế toán có liên quan.

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2012

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN  
KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ AAT

Phó Giám đốc



Nguyễn Xuân Hòa

Chứng chỉ KTV số: 0909/KTV

Kiểm toán viên

Nguyễn Đại Hùng

Chứng chỉ KTV số: 1000/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>61.196.707.949</b>	<b>84.534.640.278</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>49.420.465</b>	<b>66.280.652</b>
111	1. Tiền	3	49.420.465	66.280.652
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	-
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		-	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>12.434.748.110</b>	<b>35.776.949.882</b>
131	1. Phải thu khách hàng		5.956.691.637	3.662.602.584
132	2. Trả trước cho người bán		7.089.002.185	16.029.703.819
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
135	5. Các khoản phải thu khác	5	11.117.180	16.706.706.371
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(622.062.892)	(622.062.892)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>4.597.733.313</b>	<b>7.925.173.847</b>
141	1. Hàng tồn kho	5	4.597.733.313	7.925.173.847
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>44.114.806.061</b>	<b>40.766.235.897</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		362.326.963	12.713.199
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		78.956.400	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	6	43.673.522.698	40.753.522.698
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>44.784.604.147</b>	<b>28.075.010.389</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>23.885.330.147</b>	<b>22.175.736.389</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	23.526.902.340	21.817.308.582
222	- Nguyên giá		28.099.962.319	25.129.962.319
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.573.059.979)	(3.312.653.737)
227	3. Tài sản cố định vô hình		-	-
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	358.427.807	358.427.807
240	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	9	<b>20.887.250.000</b>	<b>5.887.250.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		15.887.250.000	887.250.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		5.000.000.000	5.000.000.000
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>12.024.000</b>	<b>12.024.000</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		12.024.000	12.024.000
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>105.981.312.096</b>	<b>112.609.650.667</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>8.386.020.534</b>	<b>10.035.623.862</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>7.959.705.518</b>	<b>9.609.308.846</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	10	2.094.755.594	222.500.000
312	2. Phải trả người bán		1.328.411.430	2.373.667.960
313	3. Người mua trả tiền trước		-	610.270.365
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	3.982.162.053	3.998.758.961
315	5. Phải trả người lao động		223.893.971	212.907.515
316	6. Chi phí phải trả	12	-	1.834.165.453
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	201.903.764	168.177.886
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		128.578.706	188.860.706
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>426.315.016</b>	<b>426.315.016</b>
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	14	426.315.016	426.315.016
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	-
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		-	-
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>97.595.291.562</b>	<b>102.574.026.805</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>97.595.291.562</b>	<b>102.574.026.805</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15	62.700.000.000	62.700.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	15	28.059.106.364	28.059.106.364
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	15	1.150.231.189	1.150.231.189
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	15	441.618.901	441.618.901
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15	5.244.335.108	10.223.070.351
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>105.981.312.096</b>	<b>112.609.650.667</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Tuyết

Hòa Bình, ngày 20 tháng 7 năm 2012

Tổng Giám đốc



Đỗ Phan Thắng



## BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	7.341.031.667	13.793.582.752
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	-	136.363.600
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	7.341.031.667	13.657.219.152
11	4. Giá vốn hàng bán	19	6.040.438.829	8.513.393.743
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.300.592.838	5.143.825.409
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	1.682.238	35.693.202
22	7. Chi phí tài chính	21	162.890.132	77.044.062
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		162.890.132	73.374.799
24	8. Chi phí bán hàng		516.262.296	900.526.984
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		1.404.522.473	864.797.376
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(781.399.825)	3.337.150.189
31	11. Thu nhập khác		59.150.000	89.100.000
32	12. Chi phí khác		4.256.485.418	417.797.823
40	13. Lợi nhuận khác		(4.197.335.418)	(328.697.823)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(4.978.735.243)	3.008.452.366
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành (*)	23	-	818.588.038
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		(4.978.735.243)	2.189.864.328
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	15	(794)	363

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Tuyết

Hòa Bình, ngày 20 tháng 7 năm 2012

Tổng Giám đốc




Đỗ Phan Thắng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		11.031.371.949	13.249.061.943
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(4.011.281.824)	(26.359.160.225)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(892.176.640)	(1.359.122.028)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(162.890.132)	(73.374.799)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(50.000.000)	(716.903.053)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		13.305.490.765	6.024.864.452
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.109.629.899)	(23.958.893.395)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>13.110.884.219</b>	<b>(33.193.527.105)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(45.734.296.111)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(15.000.000.000)	(4.125.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia			35.693.202
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(15.000.000.000)</b>	<b>(49.823.602.909)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			31.232.000.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.975.000.000	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(102.744.406)	(95.762.302)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			(1.451.622.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>1.872.255.594</b>	<b>29.684.615.698</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(16.860.187)</b>	<b>(53.332.514.316)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		66.280.652	53.462.993.204
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>49.420.465</b>	<b>130.478.888</b>

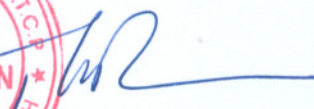
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Tuyết

Hòa Bình, ngày 20 tháng 7 năm 2012

Tổng Giám đốc

Đỗ Phan Thắng

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 tháng đầu năm 2012

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hòa Bình là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2503000021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp ngày 23/12/2003, thay đổi lần 11 ngày 15 tháng 02 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty tại Xã Thống Nhất, TP Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 2503000021 (thay đổi lần thứ 11) của Công ty là: 62.700.000.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi hai tỷ, bảy trăm triệu đồng*).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất & kinh doanh vật liệu xây dựng.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ khai thác mỏ và quặng khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; sản xuất gạch, vôi, đá xẻ, cắt tạo dáng, hoàn thiện đá xẻ; sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; sản xuất xi măng; vôi và thạch cao; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng nhà các loại; lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; đường thủy nội địa
- Phá dỡ
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm: quặng kim loại màu (Trừ quặng uranium và quặng thorium);
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác quặng sắt, đá, cát sỏi, đất sét;
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn, bán lẻ than đá, nhiên liệu rắn, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Làm đại lý, môi giới, đấu giá.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

#### Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

### **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

### **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

#### *a) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### *b) Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho*

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được phản ánh theo nguyên tắc giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và chi phí liên quan trực tiếp khác.

Hàng tồn kho của Công ty bao gồm: Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, thành phẩm, hàng hóa, hàng gửi đi bán.

- Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

#### *c) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được hạch toán :

- Kiểm kê định kỳ: đối với các nhà hàng;
- Kê khai thường xuyên đối với các mặt hàng khác;

**d) Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

**Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, được quy định tại Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15-20 năm
- Máy móc thiết bị	3-15 năm
- Phương tiện vận tải	6-20 năm

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác.

Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " các khoản tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn đến 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Các khoản đầu tư cổ phiếu và góp vốn dài hạn được kế toán theo nguyên tắc giá gốc. Tại thời điểm 30/06/2012, việc xem xét trích lập dự phòng với các khoản đầu tư này được dựa trên cơ sở tình hình tài chính của các doanh nghiệp nhận góp vốn.

### **Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm: Lãi tiền vay ngắn hạn, lãi tiền vay dài hạn, kể cả lãi tiền vay trên các khoản thấu chi; Phân phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội phát sinh liên quan đến những khoản vay do phát hành trái phiếu; Phân phân bổ các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay và chi phí tài chính của tài sản thuê tài chính.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Các chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”, việc vốn hóa chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Các chi phí cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bắt đầu phát sinh;
- Các chi phí đi vay phát sinh;
- Các hoạt động cần thiết trong việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đang được tiến hành.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ được sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hóa.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

### **Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

#### **Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

##### **a) Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

##### **b) Lập dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 34/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 03 năm 2011 sửa đổi Thông tư số 228.

#### **Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).



### 3 . TIỀN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	32.996.358	50.253.867
Tiền gửi ngân hàng	16.424.107	16.026.785
Tiền đang chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<b>49.420.465</b>	<b>66.280.652</b>

### 4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Cho cá nhân vay (*)		5.107.200.000
Cho cá nhân vay (**)		11.581.470.000
Phải thu khác	11.117.180	18.036.371
<b>Cộng</b>	<b>11.117.180</b>	<b>16.706.706.371</b>

(\*) Đây là khoản cho các cá nhân là cổ đông của Công ty vay, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%, tài sản thế chấp chính là cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình mà cá nhân nắm giữ, phương thức cho vay là chuyển khoản vào tài khoản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt và hoàn trả 1 lần.

(\*\*) Đây là khoản cho các cá nhân là cổ đông của Công ty vay, thời hạn 12 tháng, lãi suất 0%, tài sản thế chấp chính là cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình mà cá nhân nắm giữ, phương thức cho vay là chuyển khoản vào tài khoản chứng khoán của bà Đỗ Thị Cẩm Thúy mở tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông và hoàn trả 1 lần.

### 5 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.437.202.490	4.348.968.456
Công cụ, dụng cụ	10.292.814	19.542.814
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	86.112.352	32.308.757
Thành phẩm	2.405.428.927	2.841.773.850
Hàng hóa	658.696.730	682.579.970
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>4.597.733.313</b>	<b>7.925.173.847</b>

### 6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
- Tạm ứng cho hoạt động kinh doanh	328.161.587	328.161.587
- Tạm ứng cho Ông Đàm Quốc Tuấn (*)	43.345.361.111	40.425.361.111
+ Dự án đầu tư mở rộng Mỏ Tân Minh	2.000.000.000	2.000.000.000
+ Dự án đầu tư mở rộng Mỏ Tân Lạc	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Dự án đầu tư mở rộng Mỏ Tiên Sơn	7.920.000.000	5.000.000.000
+ Dự án nhà máy chế biến đá Quartz	8.875.000.000	8.875.000.000
+ Dự án nhà máy chế biến khoáng sản Mông Hóa, Kỳ Sơn	23.550.361.111	23.550.361.111
<b>Cộng</b>	<b>43.673.522.698</b>	<b>40.753.522.698</b>

(\*) Đây là khoản tạm ứng cho Ông Đoàn Quốc Tuấn để thực hiện các dự án của Công ty, đến thời điểm 30/06/2012 khoản tạm ứng đã được chuyển cho Bà Đỗ Thị Cẩm Thúy để tiếp tục thực hiện các dự án.

**7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	14.073.379.105	8.031.573.023	3.025.010.191	-	25.129.962.319
Số tăng trong năm	-	2.970.000.000	-	-	2.970.000.000
- Mua trong năm	-	2.970.000.000	-	-	2.970.000.000
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	14.073.379.105	11.001.573.023	3.025.010.191	-	28.099.962.319
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	1.155.704.313	1.297.486.094	859.463.330	-	3.312.653.737
Số tăng trong năm	621.169.602	502.829.284	136.407.356	-	1.260.406.242
- Khấu hao trong năm	621.169.602	502.829.284	136.407.356	-	1.260.406.242
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.776.873.915	1.800.315.378	995.870.686	-	4.573.059.979
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	12.917.674.792	6.734.086.929	2.165.546.861	-	21.817.308.582
Tại ngày cuối năm	12.296.505.190	9.201.257.645	2.029.139.505	-	23.526.902.340

**8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	358.427.807	358.427.807
<b>Cộng</b>	<b>358.427.807</b>	<b>358.427.807</b>

**9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/06/2012 VND		01/01/2012 VND	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a. Đầu tư vào công ty con				
b. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	88.725	15.887.250.000	88.725	887.250.000
- C.ty CP Khai thác Khoáng sản Sầm Sơn - tỷ lệ sở hữu chiếm 25%	88.725	887.250.000	88.725	887.250.000
- Công ty TNHH Sản xuất Công nghiệp Đại Việt - tỷ lệ sở hữu chiếm 25%		15.000.000.000	-	-
c. Đầu tư dài hạn khác	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đá Spilit - tỷ lệ sở hữu chiếm 16,7%	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>20.887.250.000</b>		<b>5.887.250.000</b>

**10 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn	1.975.000.000	-
- Vay ngân hàng MB	1.975.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	119.755.594	222.500.000
- Vay ngân hàng ANZ	73.505.598	130.000.000
- Vay ngân hàng HSBC	46.249.996	92.500.000
<b>Cộng</b>	<b>2.094.755.594</b>	<b>222.500.000</b>

**Các khoản vay ngắn hạn**

Số hợp đồng vay	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc	Đơn vị tính: 1.000VND	
						Số nợ gốc phải trả kỳ tới	Phương thức đảm bảo khoản vay
HĐ số 56.12.003.113 3890.TD	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội- Chi nhánh Thanh Xuân		12 tháng	3.500.000	1.975.000	1.975.000	Thế chấp

**11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	591.790.906	565.537.314
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.272.230.342	3.322.230.342
Thuế thu nhập cá nhân	30.033.798	30.033.798
Thuế tài nguyên	74.542.959	67.795.459
Các loại thuế khác	-	1.000.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	13.564.048	12.162.048
<b>Cộng</b>	<b>3.982.162.053</b>	<b>3.998.758.961</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí thi công Nhà máy Thành Lập	-	1.834.165.453
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.834.165.453</b>

**13 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Bảo hiểm xã hội	68.025.317	24.226.048
Bảo hiểm y tế	45.865.636	37.697.082
Các khoản phải trả, phải nộp khác	73.136.846	94.893.315
Bảo hiểm thất nghiệp	14.875.965	11.361.441
<b>Cộng</b>	<b>201.903.764</b>	<b>168.177.886</b>

**14 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay dài hạn		
- Vay ngân hàng		
+ Ngân hàng HSBC (*)	177.279.981	177.279.981
+ Ngân hàng ANZ (**)	249.035.035	249.035.035
<b>Cộng</b>	<b>426.315.016</b>	<b>426.315.016</b>

(\*) Hợp đồng vay dài hạn Ngân hàng TNHH MTV HSBC số VHNPF100341CAR ngày 26/10/2010, hạn mức tín dụng là 370.000.000 VNĐ, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất thả nổi, mục đích vay là mua xe ô tô, tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay là xe ô tô Kia Carens trị giá 559.017.273 đồng.

(\*\*) Hợp đồng vay dài hạn Ngân hàng TNHH MTV ANZ số AF02540514 ngày 05/07/2010, hạn mức tín dụng là 520.000.000 VNĐ, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất điều chỉnh 6 tháng 1 lần, mục đích vay là mua xe ô tô, tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay là xe Fortuner trị giá 786.195.455 đồng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2012 VNĐ	01/01/2012 VNĐ
Trong vòng 6 tháng	119.755.594	199.602.752
Trong năm thứ 2	222.500.000	216.663.992
Từ năm thứ 3 đến năm thứ năm	203.815.016	426.315.016
<b>Cộng</b>	<b>546.070.610</b>	<b>842.581.760</b>
Trừ số phải trả trong vòng 06 tháng ( được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	119.755.594	199.602.752
Số phải trả sau 06 tháng	<b>426.315.016</b>	<b>642.979.008</b>

## 15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

*Đơn vị tính: VNĐ*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	36.665.000.000	23.955.000.000	441.618.901	1.150.231.189	5.681.553.402	67.893.403.492
Tăng vốn trong năm trước	26.035.000.000	5.207.000.000				
Lãi trong năm trước					4.541.516.949	4.541.516.949
Tăng khác						
Giảm vốn trong năm trước						-
Lỗ trong năm trước						
Giảm khác		1.102.893.636				1.102.893.636
Số dư cuối năm trước	62.700.000.000	28.059.106.364	441.618.901	1.150.231.189	10.223.070.351	102.574.026.805
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này					(4.978.735.243)	(4.978.735.243)
Tăng khác						
Giảm khác						
Số dư cuối kỳ này	<b>62.700.000.000</b>	<b>28.059.106.364</b>	<b>441.618.901</b>	<b>1.150.231.189</b>	<b>5.244.335.108</b>	<b>97.595.291.562</b>

### b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2012	%	01/01/2012	%
Vốn góp của Nhà nước		0%		0%
Vốn góp của các đối tượng khác	62.700.000.000	100%	62.700.000.000	100%
- Do pháp nhân nắm giữ				
- Do thể nhân nắm giữ	62.700.000.000		62.700.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>62.700.000.000</b>		<b>62.700.000.000</b>	

### c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	62.700.000.000	36.665.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	26.035.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	62.700.000.000	62.700.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2012	01/01/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.270.000	6.270.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành & góp vốn đầy đủ	6.270.000	6.270.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.270.000	6.270.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.270.000	6.270.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.270.000	6.270.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:		10.000 đồng

**16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng	7.341.031.667	13.793.582.752
<b>Cộng</b>	<b>7.341.031.667</b>	<b>13.793.582.752</b>

**17 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hàng bán bị trả lại	-	136.363.600
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>136.363.600</b>

**18 . DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hoá	7.341.031.667	13.657.219.152
<b>Cộng</b>	<b>7.341.031.667</b>	<b>13.657.219.152</b>

**19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của sản phẩm, hàng hoá đã bán	6.040.438.829	8.513.393.743
<b>Cộng</b>	<b>6.040.438.829</b>	<b>8.513.393.743</b>

**20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.682.238	35.693.202
<b>Cộng</b>	<b>1.682.238</b>	<b>35.693.202</b>

**21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	162.890.132	73.374.799
Lỗ tỷ giá hối đoái và bán ngoại tệ	-	-
<b>Cộng</b>	<b>162.890.132</b>	<b>73.374.799</b>

## 22 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Khoản lỗ do giải chấp cổ phiếu của các cá nhân vay tiền C.ty	4.129.500.000	
Chi phí khác	126.985.418	417.797.823
<b>Cộng</b>	<b>4.256.485.418</b>	<b>417.797.823</b>

## 23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(4.978.735.243)</b>	<b>3.008.452.366</b>
Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	265.899.784
<i>Truy thu, nộp phạt thuế</i>	-	174.583.875
<i>Chi phí khấu hao trong giai đoạn dừng sản xuất</i>	-	17.941.110
<i>Chi phí lãi vay</i>	-	73.374.799
Thu nhập chịu thuế	(4.978.735.243)	3.274.352.150
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	818.588.038
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>818.588.038</b>

## 24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	(4.978.735.243)	2.189.864.328
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu		-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	(4.978.735.243)	2.189.864.328
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	6.270.000	6.027.991
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(794)</b>	<b>363</b>

## 25 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.835.302.460	7.290.493.936
Chi phí nhân công	921.570.273	1.304.892.336
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.260.406.242	562.219.267
Chi phí dịch vụ mua ngoài	987.075.906	134.727.556
Chi phí khác bằng tiền	545.847.888	175.911.008
<b>Cộng</b>	<b>7.550.202.769</b>	<b>9.468.244.103</b>

## 26 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 26.1 Thông tin về các bên liên quan

#### *Các bên liên quan:*

- Công ty Cổ phần Thiết bị và Xây lắp Công Nghiệp là công ty do Bà Đỗ Thị Cẩm Thúy giữ chức vụ Giám đốc;
- Công ty Cổ phần Đá Spilit là công ty do Bà Đỗ Thị Cẩm Thúy giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT kiêm đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình tại Công ty Cổ phần Đá Spilit và Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình nắm giữ tỷ lệ sở hữu 16,67% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đá Spilit;
- Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Sầm Sơn là công ty do Bà Đỗ Thị Cẩm Thúy giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT;
- Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hòa Bình nắm giữ sở hữu 25% vốn điều lệ của Công ty TNHH Sản xuất Công nghiệp Đại Việt.

Trong 6 tháng đầu năm 2012, giao dịch chủ yếu của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình với các bên liên quan là mua bán bột thạch anh, bột talc, đá xẻ, máy móc thiết bị.

**Giao dịch với các bên liên quan**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Bán hàng</b>		
Công ty Cổ phần Thiết bị và Xây lắp Công Nghiệp	5.831.475.365	7.431.050.000
Công ty Cổ phần Đá Spilit	852.549.250	1.243.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Công nghiệp Đại Việt	2.731.045.680	
<b>Cộng</b>	<b>6.684.024.615</b>	<b>8.674.050.000</b>

**Mua hàng**

Công ty Cổ phần Thiết bị và Xây lắp Công Nghiệp	8.580.421.912	5.123.794.260
Công ty Cổ phần Đá Spilit	1.157.049.250	3.241.900.000
<b>Cộng</b>	<b>9.737.471.162</b>	<b>8.365.694.260</b>

**Số dư với các bên liên quan**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>Phải thu</b>		
Công ty Cổ phần Đá Spilit	1.402.449.250	549.900.000
Công ty TNHH Sản xuất Công nghiệp Đại Việt	2.731.045.680	
<b>Cộng</b>	<b>4.133.494.930</b>	<b>549.900.000</b>

**Phải trả**

Công ty Cổ phần Thiết bị và Xây lắp Công Nghiệp	-	560.270.365
Công ty Cổ phần Đá Spilit	-	837.950.750
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.398.221.115</b>

**Số khách hàng ứng trước**

Công ty Cổ phần Thiết bị và Xây lắp Công Nghiệp	-	560.270.365
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>560.270.365</b>

**Số ứng trước cho người bán**

Công ty Cổ phần Thiết bị và Xây lắp Công Nghiệp	6.644.983.828	15.138.405.740
CN Công ty CP Khai thác Khoáng sản Sầm Sơn	49.682.857	49.682.857
<b>Cộng</b>	<b>6.694.666.685</b>	<b>15.188.088.597</b>

**Thu nhập của Ban Giám đốc**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền lương Ban Giám đốc	54.000.000	58.884.615
	<b>54.000.000</b>	<b>58.884.615</b>

**26.2 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2011 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tuyết

Hòa Bình, ngày 20 tháng 7 năm 2012

Tổng Giám đốc



Đỗ Phan Thắng

T.N.H.H  
VACO